

Bản án số: 29/2018/HS-PT
Ngày 01 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Châu Việt Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: ông Trang Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Ngọc H và 02 bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Ngọc H, Tăng Văn T, Nguyễn Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Ngọc H** (tên gọi khác: L), sinh năm 1991 tại TP B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 115/6, Khóm 5, Phường 7, thành phố B; chỗ ở: Nhà trọ cho thuê B, Khóm 4, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc T (đã chết) và bà Trương Thị L, sinh năm 1968; anh, chị, em ruột: 02 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền sự: Không; tiền án: 03 lần, Ngày 23/12/2008, Tòa án thị xã B (nay là Tòa án thành phố B) xử 03 tháng 17 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trả tự do tại phiên tòa; ngày 24/8/2010, Tòa án thành phố B xử 02 năm tù tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong 16/4/2012; ngày 22/5/2014, Tòa án thành phố B xử 02 năm tù tội “trộm cắp tài sản” chấp hành xong 14/02/2016; bị khởi tố ngày 04/8/2017 và bắt tạm giam từ ngày 09/8/2017 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Tăng Văn T**, sinh năm 1974 tại huyện H - Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 15A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn V, sinh năm 1950 và bà Lâm Thị V, sinh năm 1950; có vợ tên Trần Thị T, sinh năm 1976 và 01 người con sinh năm 1999; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 24/8/2017, bị khởi tố ngày 01/9/2017 và tạm giam đến ngày 30/10/2017 cho bảo lãnh, (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1982 tại huyện Đ - Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1946 và bà Phạm Thị Út B năm 1948; chung sống như vợ chồng với Trịnh Thị T, sinh năm 1989 và 01 người con chung sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 12/6/2017, bị khởi tố ngày 21/6/2017 và tạm giam đến ngày 02/9/2017 cho bảo lãnh tại ngoại, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Ông Trần Hiền T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Hà Minh T, Lâm Thu T (TL), Nguyễn Văn N, Võ Thị Kim Đ, bị hại Lê Hằng N, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Q, Huỳnh Văn H, Phan Thanh H, Trương Thị Thảo A, Lâm Bích L, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị Tuyết M, Sơn Thị N, Lê Hoài T, Lê Thị H, Diệp Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài Chính TNHH MTV- Ngân hàng V nhưng do không kháng cáo, rút kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 11/2016 đến tháng 4/2017, bị cáo Hà Minh T cùng đồng bọn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản sau đây.

Vụ thứ nhất: Tối ngày 27/11/2016, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 đến nhà trọ B của Trịnh Ngọc H chơi, bị cáo Minh T rủ bị cáo Ngọc H đi trộm cắp tài sản, bị cáo ngọc H đồng ý. Bị cáo Minh T chở bị cáo Ngọc H đi qua cầu R thẳng về hướng xã V đến khu vực ấp G, xã V, thành phố B, thấy xe mô tô Wave của chị Lê Hằng N không người trông coi nên bị cáo Minh T chạy qua đoạn thì dừng lại, bị cáo Ngọc H xuống xe đi lại nơi đậu xe

bứt dây điện nhưng không được, bị cáo Minh T đi lại bứt dây điện được, bị cáo Ngọc H lấy xe điều khiển về nhà trọ. Sau đó, bị cáo Minh T đem xe đi bán nhưng không được, sau đó nhờ Nguyễn Hoàng T đến nhà trọ của Ngọc H lấy xe lên Sóc Trăng bán được 1.500.000 đồng, Hoàng T đưa bị cáo Minh T 1.300.000 đồng trừ chi phí đi lại 200.000 đồng, bị cáo Minh T lấy 700.000, chia bị cáo Ngọc H 300.0000 và cho Hoàng T 300.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 112 ngày 28/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bạc Liêu: xe Wave biển số 94C1-060.99 trị giá 2.100.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chưa thu hồi, bị hại Lê Hằng N yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá.

Vụ thứ hai: Tối ngày 24/12/2016 (đêm Noel), bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở Lâm Thu T đến nhà Lý Sô N chơi. Sau đó, Lý Sô N chở bị cáo Hà Minh T đến khu vực nhà thờ thuộc ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu chơi, được một lúc Lý Sô N về trước còn bị cáo Hà Minh T đi lòng vòng chơi, thấy xe mô tô Wave biển số 94G1-057.48 của Diệp Thanh T đậu cặp lộ, bị cáo Minh T đi đến dùng cây đoãn mở khóa lấy xe chạy về thành phố B. Đến sáng hôm sau, bị cáo Hà Minh T điện thoại cho bị cáo Nguyễn Đức T bán, bị cáo Đức T biết xe do Minh T trộm và đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng. Tại tiệm sửa xe Đức T dùng máy cắt xóa số máy, số khung, đồng thời gắn biển số 94H3-9298 để tránh bị phát hiện, rồi bị cáo Đức T chở bị cáo Minh T qua tiệm sửa xe của bị cáo Tăng Văn T mượn tiền trả bị cáo Minh T.

Kết luận định giá tài sản số 31 ngày 12/6/2017 của Hội đồng định giá huyện H, tỉnh Bạc Liêu: xe Wave biển số 94G1-057.48 trị giá 11.900.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 292 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu: xe mô tô gắn biển số 94H3-9298 có số máy nguyên thủy phù hợp với số máy của xe mang biển số 94G1-057.48.

Tang vật: Tài sản đã thu hồi và trả cho Diệp Thanh T và không yêu cầu gì.

Vụ thứ ba: Tối ngày 26/12/2016, bị cáo Hà Minh T đi đám cưới ở khu vực ấp 14 xã V, huyện H, thấy xe mô tô Wave biển số 94B1-237.81 của Nguyễn Hoàng A đậu gần đó, bị cáo Minh T dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy đi. Lấy xong, Minh T điện thoại hỏi Nguyễn Đức T mua xe không, bị cáo Đức T biết xe trộm nhưng không có nhu cầu mua, bị cáo Minh T hỏi bị cáo Văn T mua không, bị cáo Đức T nói để điện thoại cho bị cáo Văn T hỏi, lúc này bị cáo Đức T điện cho Văn T thì Văn T đồng ý mua, Đức T gọi lại cho Minh T kêu đem xe xuống tiệm sửa xe của Văn T. Sau đó, Minh T chạy xe đến, Văn T biết xe do

trộm cắp mà có và đồng ý mua 4.500.000 đồng. Tại đây, bị cáo Minh Thiệt xin số điện thoại của bị cáo Văn T và nói có gì liên hệ tức có xe trộm được sẽ liên hệ với bị cáo Văn T, bị cáo Văn T đồng ý và cho bị cáo Minh T số điện thoại.

Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá huyện H kết luận: Xe Wave biển số 94B1-237.81 trị giá 11.400.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hoàng A yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ tư: Tối ngày 12/01/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T đi lòng vòng chơi, rồi vào đường tỉnh lộ 38 đến cây xăng bên phải vào đường lộ nhựa khoảng 1km, bị cáo Minh T thấy xe Wave biển số 94K1-324.72 của Nguyễn Văn D đậu bên hông nhà Nguyễn Thanh T thuộc ấp V, xã V, thành phố B, bị cáo Minh T chạy đi một đoạn, bị cáo Thu T trên xe đợi còn bị cáo Minh T dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy về hướng xã V bán cho bị cáo Văn T, bị cáo Thu T chạy theo sau rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Tăng Văn T đến quán nước giải khát HD thuộc phường 7, thành phố B gặp bị cáo Minh Thiệt trả 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 78 ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-324.72 trị giá 16.465.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn D yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá.

Vụ thứ năm: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/01/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T xuống nhà bị cáo Tăng Văn T mượn tiền, khi đến gần bến xe khách H thuộc khu vực ấp T, thị trấn H, huyện H, bị cáo Minh T thấy xe mô tô biển số 94G1-073.10 của Phạm Văn T đang đậu phía trong lề, Minh Thiệt dùng cây đoãn bẻ ổ khóa lấy xe chạy đến nhà bị cáo Tăng Văn T bán, bị cáo Thu T chạy theo sau xuống cầu treo rước bị cáo Minh T. Đến ngày sau, bị cáo Tăng Văn T đến quán nước HD thuộc phường 7, thành phố Bạc Liêu gặp Minh T trả 4.500.000 đồng.

Kết luận định giá số 35 ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá huyện H: xe Wave biển số 94G1-073.10 trị giá 11.400.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn T yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ sáu: Sáng ngày 25/01/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T ra hướng phường N, TP. B đến khu vực ấp C, phường N, thành phố B, bị cáo Minh T thấy xe Wave biển số 94K1-330.74 của Nguyễn Văn Q đậu trước một cơ sở kính- nhôm- sắt Hoàng D,

bị cáo Minh T chạy đi một đoạn xuống xe đi lại dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe mang đến bán cho bị cáo Tăng Văn T, bị cáo Thu T chạy theo sau rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Văn T gặp Minh T ở quán HD phường 7, thành phố B trả cho bị cáo Minh T 4.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 87 ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-330.74 trị giá 16.465.000 đồng

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ bảy: Tối ngày 27/01/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T đến Quảng Trường H, Minh T thấy xe Wave biển số 94K1-310.32 của Huỳnh Văn H đậu tại đường Trần H cặp Quảng Trường, bị cáo Minh T đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy xuống nhà bị cáo Tăng Văn T bán, bị cáo Thu T chạy theo sau rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD phường 7, thành phố B trả bị cáo Minh T 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 76 ngày 17/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-310.32 trị giá 16.280.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Huỳnh Văn H yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ tám: Tối ngày 12/02/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T đi vào đường L về hướng xã H, khi đến chỗ hát đình thuộc ấp Xóm L, xã H, thành phố B thấy xe wave biển số 94K1-482.98 màu đen của Phan Thanh H đậu cặp chòi lá, bị cáo Minh T xuống xe đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe bán cho bị cáo Văn T, bị cáo Thu T chạy theo sau rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD đưa cho bị cáo Thiệt 4.500.000 đồng.

Kết luận định giá số tài sản 79 ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-482.98 trị giá 18.315.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Phan Thanh H yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá.

Vụ thứ chín: Tối ngày 26/02/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T đi vào khu người già neo đơn thuộc khóm 1, phường 1, thành phố B, bị cáo Minh T thấy xe Wave biển số 94K1-180.34 của bị cáo Trương Thị Thảo A đậu phía trước nhà, Minh T xuống xe đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy xuống bán cho bị cáo Văn T, bị

cáo Thu T chạy theo sau rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD đưa bị cáo Minh T 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 111 ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-180.34 trị giá 12.580.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị Thảo A yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ mười: Tối ngày 04/3/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T vào khu vực địa ốc vừa qua vòng xoay HN theo hướng vào nhà thờ Đ, bị cáo Minh T thấy xe Wave màu đen biển số 94K1-138.43 của Lâm Bích L đậu tại nhà thuộc khóm 10, phường 1, TP B, bị cáo Minh T xuống xe đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa xe chạy xuống tiệm sửa xe của bị cáo Văn T bán, bị cáo Thu T chạy theo sau rước. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD trả Thiệt 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 77 ngày 18/6/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-138.43 trị giá 11.100.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lâm Bích L yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ mười một: Khoảng 12 giờ ngày 09/3/2017, Hà Minh T điều khiển xe chở Võ Thị Kim Đ đi huyện H, đến khu vực Chùa Mới thuộc ấp Thị Trấn B1, thị trấn H, huyện H, bị cáo Minh T thấy xe mô tô hiệu Sirius của anh Huỳnh Văn T đậu trước cổng chùa, bị cáo Minh T rủ bị cáo Kim Đ lấy trộm, bị cáo Kim Đ đồng ý. Lúc này, bị cáo Minh T chở bị cáo Kim Đ quay lại chỗ đậu xe, bị cáo Minh T đi vào lấy xe rồi chạy về hướng cầu số 2 qua cầu treo bán cho bị cáo Tăng Văn T, lát sau bị cáo Minh T điện cho bị cáo Kim Đ chạy qua cầu treo rước. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD phường 7 trả cho bị cáo Minh T 4.500.000 đồng, bị cáo Minh T đến nhà đưa bị cáo Kim Đ 900.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá huyện H kết luận: xe Sirius biển số 94G1-008.45 trị giá 12.870.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Tài sản chưa thu hồi, anh Huỳnh Văn T yêu cầu bồi thường theo định giá.

Vụ thứ mười hai: Chiều ngày 28/3/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe gắn máy biển số 94AB-021.16 chở bị cáo Nguyễn Văn N đi tìm tài sản lấy trộm, bị cáo Minh T chạy xe vào khu vực ấp X, thị trấn C, huyện V, bị cáo Minh T thấy xe Wave màu đỏ biển số 94C1-095.08 của Huỳnh Thị Tuyết M đậu gần bụi chuối, bị cáo Văn N đứng đợi, bị cáo Minh T đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa lấy

xe chạy xuống nhà bị cáo Văn T bán, bị cáo Văn N chạy theo sau đến cầu treo rước bị cáo Minh T. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD phường 7, thành phố B gặp các bị cáo Minh T và Văn N trả 4.000.000 đồng, bị cáo Văn T bỏ đi, bị cáo Minh T và bị cáo Văn N chia đều.

Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 16/6/2017 của Hội đồng định giá huyện V: xe Wave biển số 94C1-095.08 trị giá 11.256.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 297 ngày 23/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu: khung xe mô tô thu giữ tại nhà của Nguyễn Đức T có số khung nguyên thủy phù hợp với số khung của xe mô tô biển số 94C1-095.08.

Tang vật: Trả lại khung xe cho bị hại Huỳnh Thị Tuyết M, đồng thời yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá.

Vụ thứ mười ba: Khoảng 16 giờ ngày 04/4/2017, bị cáo Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở bị cáo Hà Minh T đi tìm tài sản lấy trộm, đến khu vực ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị cáo Minh T thấy xe Wave biển số 94K1-359.75 của Sơn Thị N đậu trong trường học, bị cáo Minh T xuống xe, bị cáo Văn N chạy đến tiệm tạp hóa đợi, bị cáo Minh T đến chỗ đậu xe dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy xuống nhà bị cáo Tăng Văn T bán, bị cáo Văn N chạy theo sau đến cầu treo rước. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD Bạc Liêu gặp các bị cáo Minh T và Văn N trả 4.000.000 đồng, bị cáo Minh T chia đều với bị cáo Văn N.

Kết luận định giá tài sản số 29 ngày 08/6/2017 của Hội đồng định giá thị xã V: xe Wave biển số 94K1-359.75 trị giá 14.387.100 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 297 ngày 23/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu: lốc máy, khung xe mô tô thu giữ tại nhà của bị cáo Nguyễn Đức T có số máy, số khung nguyên thủy phù hợp với số máy, số khung của xe mô tô biển số 94K1-359.75.

Tang vật: Đã trả khung xe, lốc máy cho bà Sơn Thị N, đồng thời yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá.

Vụ thứ mười bốn: Tối ngày 23/4/2017, bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở vợ là bị cáo Lâm Thu T lòng vòng thành phố B, thấy trước quán nước giải khát TH thuộc khóm 10, phường 1, thành phố B đậu xe Wave biển số 94K1-435.28 của Lê Hoài T, bị cáo Minh T đi đến dùng cây đoãn bẻ khóa lấy xe chạy đến nhà bị cáo Văn T bán, bị cáo Thu T chạy theo sau

rước. Qua ngày sau, bị cáo Văn T đến quán HD, phường 7, thành phố B trả bị cáo Minh T 4.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 97 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố B: xe Wave biển số 94K1-435.28 trị giá 17.390.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Tài sản chưa thu hồi, bị hại Lê Hoài T yêu cầu bồi thường theo định giá.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N còn khai nhận: Tối ngày 31/3/2017, B (không biết họ tên địa chỉ) điều khiển xe chở bị cáo Văn N xuống huyện H, đi ngang tiệm Massage HH, nảy sinh ý định vào lấy trộm, B cho xe quay lại, bị cáo Văn N xuống xe vào phòng thứ nhất bên trái lấy trộm 01 điện thoại hiệu Oppo, 01 máy tính bảng, 01 cái bóp cầm tay loại nữ bên trong có 3.500.000 đồng và giấy tờ tùy thân. B chở bị cáo Văn N về khu miếu đá trắng thành phố B chia mỗi người 1.500.000 đồng, B giữ máy tính bảng, điện thoại B bán được 400.000 đồng chia đều.

Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá huyện H: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, 01 máy tính bảng có tổng trị giá 1.960.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị H yêu cầu bồi thường 5.460.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2017 (không nhớ ngày, tháng), bị cáo Hà Minh T điều khiển xe mô tô biển số 94AB-021.16 chở bị cáo Nguyễn Văn N đi tìm tài sản lấy trộm, đến khu vực ấp T, xã C, huyện V thấy nhà người dân không ai trông giữ, bị cáo Văn N vào lấy trộm 01 laptop, sau đó đem bán được 1.500.000 đồng, chia đều với bị cáo Minh T. Chưa xác định được bị hại nên yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hà Minh T, Lâm Thu T, Nguyễn Văn N, Trịnh Ngọc H, Võ Thị Kim Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Tăng Văn T phạm hai tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Bị cáo: Nguyễn Đức T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Điều luật áp dụng:

2.1. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; điểm p, o khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà

Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 18/5/2017 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) tháng tù đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) năm tù đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Tăng Văn T là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến ngày 30/10/2017.

2.3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p, l khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Thu T 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 08/07/2017 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 09/8/2017 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị Kim Đ 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 15/7/2017.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2017 đến ngày 02/9/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 07/3/2018, bị cáo Hà Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 12/3/2018, bị cáo Hà Minh T có đơn xin rút tòa bộ nội dung kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã ra thông báo rút về việc rút kháng cáo số 269/2018/TB-TA ngày 13/4/2018.

- Ngày 09/3/2018, các bị cáo Trịnh Ngọc H (TL), Tăng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 12/3/2018, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu về việc giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Các bị cáo Tăng Văn T, Trịnh Ngọc H, Nguyễn Đức T thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 331, 333, 334 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, về quyền kháng cáo, thủ tục và thời hạn kháng cáo, nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và đưa ra xét xử phúc thẩm là đúng luật định.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, mức án 03 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Tăng Văn T cho cả hai tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là không nặng, đã có áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử mức án dưới khung hình phạt của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” khi lượng hình cho bị cáo, mức án 02 năm tù đối với bị cáo Trịnh Ngọc H và 06 tháng tù đối bị cáo Nguyễn Đức T là đều khởi điểm của khung hình phạt đối với mỗi bị cáo, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của mỗi bị cáo gây ra.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trịnh Ngọc H, Tăng Văn T, Nguyễn Đức T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Đức T thuộc trường hợp cha, mẹ bị cáo có công cách mạng, nhưng lại áp dụng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không phù hợp; Án sơ thẩm buộc bị cáo Tăng Văn T còn phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền 26.637.700 đồng, nhưng không tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là thiếu sót.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T trình bày: Bị cáo Đức T do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đã có hành vi phạm tội, mục đích bị cáo mua

xe là để sử dụng chứ không phải bị cáo mua xe để bán lại. Đối với chiếc xe mà bị cáo đã giới thiệu cho bị cáo Văn T mua là không có vụ lợi. Vì vậy, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Đức T phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang chăm sóc con còn nhỏ và gia đình đang gặp khó khăn, bị cáo đã có một khoảng thời gian bị tạm giam nên đề nghị xử bị cáo bằng mức thời gian đã tạm giam để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên có căn cứ để xác định: Từ ngày 27/11/2016 đến 23/4/2017, bị cáo Hà Minh T đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo Lâm Thu T, Nguyễn Văn N, Trịnh Ngọc H, Võ Thị Kim Đ, tài sản trộm cắp chủ yếu là xe mô tô trên địa bàn huyện H, huyện V, thành phố B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng rồi đưa cho bị cáo Tăng Văn T và bị cáo Nguyễn Đức T tiêu thụ, cụ thể:

- Bị cáo Hà Minh T cùng các bị cáo khác thực hiện 14 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 183.908.100 đồng.

- Bị cáo Tăng Văn T trực tiếp 12 lần hành vi phạm tội, trong đó có 01 lần bị cáo tiêu thụ tài sản của bị cáo T do phạm tội mà có thông qua sự môi giới của bị cáo Đức T và đồng ý tiêu thụ xe cho bị cáo Minh T với số tiền 11.400.000 đồng. Còn 11 lần sau, bị cáo Văn T đã hứa hẹn trước với bị cáo Minh T thì hành vi này của bị cáo là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò giúp sức với tổng giá trị tài sản trong 11 lần phạm tội là 158.508.100 đồng. Bị cáo Tăng Văn T phạm vào hai tội danh là tiêu thụ tài sản và trộm cắp tài sản.

- Bị cáo Lâm Thu T cùng các bị cáo khác thực hiện 08 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 119.995.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn N cùng các bị cáo khác thực hiện 03 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.103.100 đồng.

- Bị cáo Võ Thị Kim Đ thực hiện 01 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.870.000 đồng.

- Bị cáo Trịnh Ngọc H thực hiện 01 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.100.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Đức T biết rõ tài sản do Hà Minh T trộm cắp mà có, đã 02 lần giúp bị cáo Minh T tiêu thụ tài sản với số tiền 23.300.000 đồng, nên việc truy tố, xét xử hành vi của các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 138 và Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- **Đối với bị cáo Trịnh Ngọc à:** Bị cáo là đối tượng đã có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành hình phạt tù bị cáo không sửa chữa để làm người có ích cho xã hội, bị cáo vẫn không thay đổi bản chất chây lười lao động nên đã cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị 2.100.000 đồng. Mặc dù giá trị tài sản trộm không lớn nhưng bị cáo đã bị xử lý về tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết định khung tăng nặng là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

- **Đối với bị cáo Tăng Văn T:** Bị cáo là đồng phạm với bị cáo Minh T về hành vi trộm cắp tài sản, bằng cách hứa hẹn trước với bị cáo Minh T là khi bị cáo Minh T trộm cắp có được tài sản bị cáo sẽ mua, bị cáo còn đưa tiền cho bị cáo Minh T trước, sau khi trộm được tài sản thì đối trừ số tiền đã đưa, tổng số tiền bị cáo trộm cắp tài sản với vai trò giúp sức là 158.508.100 đồng, đồng thời bị cáo còn 01 lần thực hiện tiêu thụ tài sản của bị cáo Minh T do phạm tội mà có thông qua sự giới thiệu của bị cáo Đức T và đồng ý tiêu thụ xe cho bị cáo Minh T với số tiền 11.400.000 đồng. Mặc dù bị cáo Văn T có nhân thân tốt, nhưng quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là liên tục, nhiều lần với hai tội danh khác nhau, nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 như bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Minh T cả về tinh thần lẫn vật chất, nên án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội” mà có theo qui định tại điểm e khoản 2 Điều 138 và khoản 1

Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ pháp luật.

- **Đối với bị cáo Nguyễn Đức T:** Biết rõ là tài sản do bị cáo Hà Minh T trộm cắp mà có nhưng bị cáo Đức T thực hiện hai lần hành vi phạm tội, một lần bị cáo trực tiếp “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, lần thứ hai bị cáo không trực tiếp tiêu thụ mà giới thiệu cho bị cáo Văn T tiêu thụ tài sản với số tiền 23.300.000 đồng, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đức T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, do bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 như bản án sơ thẩm xét xử là phù hợp.

Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là cha bị cáo có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa phù hợp, vì điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “*Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ*”. Như vậy, cha mẹ bị cáo có công với cách mạng không thuộc trường hợp qui định điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời bị cáo bị xét xử theo các Điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 nên việc xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là cha mẹ bị cáo có công với cách mạng được áp dụng theo qui định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho hành vi do mình gây ra. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo.

Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Bị cáo Tăng Văn T, Trịnh Ngọc H, Nguyễn Đức T đều khai báo thành khẩn; Bị cáo Văn T và bị cáo Đức T đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ; Bị cáo Đức T có cha, mẹ là người có công với

cách mạng, nên đã áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Như đã phân tích nên đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với tiền án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo Văn T cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Văn T không phải chịu do đã thỏa thuận bồi thường trước khi mở phiên tòa là không có căn cứ. Bị cáo Văn T có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại là số tiền 56.637.700 đồng; bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng để khắc phục; còn phải tiếp tục bồi thường 26.637.700 đồng nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cấp sơ thẩm không buộc bị cáo nộp án phí là thiếu sót, tuy nhiên cấp phúc thẩm không thể bổ sung bất lợi cho bị cáo nên kiến nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bị cáo Văn T.

[6] Các bị cáo Trịnh Ngọc H, Tăng Văn T, Nguyễn Đức T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Đức T do hộ nghèo nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hà Minh T, Lâm Thu T, Nguyễn Văn N, Võ Thị Kim Đ, về trách nhiệm dân sự, lãi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án; xử lý vật chứng; án phí không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trịnh Ngọc H, Tăng Văn T, Nguyễn Đức T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Tăng Văn T phạm hai tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) tháng tù đối với tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) năm tù đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Tăng Văn T là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến ngày 30/10/2017.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2017.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2017 đến ngày 02/9/2017.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Trịnh Ngọc H, Tăng Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Đức T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hà Minh Tt, Lâm Thu T, Nguyễn Văn N, Võ Thị Kim Đ, về trách nhiệm dân sự, lãi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án; xử lý vật chứng; án phí không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Trần Ngọc Như

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BL (02 bản); VKSND huyện HB (01 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (01 bản);
- TAND huyện HB (06 bản);
- CQĐT huyện HB (01 bản);
- Chi cục THA huyện HB (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh BL (01 bản);
- Các bị cáo (mỗi bị cáo 01 bản);
- Nhà tạm giữ CA thành phố BL (01 bản);
- Người bào chữa cho bị cáo Tính (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.